

Số: 17 /2013/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 12 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 243/TTr-STC ngày 23/9/2013 và Báo cáo thẩm định số 208/BC-STP ngày 16/9/2013 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng/m³

| Số TT | Đối tượng, mục đích sử dụng | Lượng nước sạch sử dụng/tháng hạn mức | Mức giá |
|-------|---|--|---------|
| 1 | Nước sinh hoạt các hộ dân cư tại thành phố Cà Mau | Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu (hộ/tháng) | 5.400 |
| | | Trên 10m ³ tiếp theo | 6.700 |
| 2 | Nước sinh hoạt các hộ dân cư tại các huyện | Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu (hộ/tháng) | 5.300 |
| | | Trên 10m ³ tiếp theo | 6.400 |
| 3 | Nước sinh hoạt các hộ nghèo | Từ 1m ³ đến 10m ³ đầu (hộ/tháng) | 4.400 |
| | | Trên 10m ³ tiếp theo | 6.400 |

| | | | |
|---|---|----------------------|--------|
| 4 | Nước sinh hoạt cơ quan hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng | Theo thực tế sử dụng | 8.000 |
| 5 | Hoạt động sản xuất vật chất | Theo thực tế sử dụng | 10.000 |
| 6 | Kinh doanh dịch vụ | Theo thực tế sử dụng | 10.000 |

Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được áp dụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau kể từ ngày 01/01/2014.

Hàng năm, khi các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất, cung ứng nước sạch có sự thay đổi, đơn vị cấp nước sạch căn cứ vào quy định hiện hành của Nhà nước xây dựng phương án giá nước sạch báo cáo Sở Tài chính. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 05/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Cà Mau;
- Công báo;
- Công TTĐT tỉnh Cà Mau;
- LĐVP UBND tỉnh (Th);
- CVKT;
- Lưu: VT, Mi20/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tiên Dũng